

★ KỈ NIỆM 112 NĂM NGÀY SINH CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH (19/5/1890 - 19/5/2002) ★

HỒ CHÍ MINH VÀ NỀN TẢNG LUẬT PHÁP TÔN GIÁO Ở NƯỚC TA

ĐỖ QUANG HUNG^(*)

Với bài Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng đăng tải trong số ra mắt của Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo (1- 1999) chúng tôi đã nêu ra một số nét về cống hiến xây dựng luật pháp tôn giáo của Hồ Chí Minh. Nay, có điều kiện bổ sung cơ sở tư liệu, chúng tôi xin được đi sâu hơn vào khía cạnh rất đáng chú ý này (TG).

KHUNG CẢNH LUẬT PHÁP

Bất cứ ai khi nghiên cứu lịch sử Nhà nước và Pháp luật ở Việt Nam hơn nửa thế kỉ qua đều thấy rất rõ sự kiện: tư tưởng Hồ Chí Minh đã để lại thật sâu đậm trong việc xây dựng bộ máy nhà nước cũng như hệ thống luật pháp.

Kể từ khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời sau thắng lợi của Cách mạng tháng Tám (1945), nước ta đã có 4 bản Hiến pháp, công cụ mở lối cho phương thức quản lí đất nước bằng pháp luật: Hiến pháp 1946, Hiến pháp 1959, Hiến pháp 1980 và Hiến pháp 1992. Qua nội dung 4 Hiến pháp ấy, chúng ta thấy rõ những biến động, những nét gấp khúc của chặng đường đầu tiên xây dựng kiểu Nhà nước - Pháp quyền Việt Nam.

Nói về vai trò của Hồ Chí Minh với sự nghiệp ấy, Bộ trưởng Tư pháp Nguyễn Đình Lộc viết: "Trong thời gian dài xây dựng nền chế độ Cộng hoà Dân chủ, ít ra từ 1945 đến 1954, Hồ Chí Minh phải sử dụng chế độ sắc lệnh để điều hành công việc đất nước. Hàng trăm sắc lệnh do chính Người kí đã được ban hành ở thời kì đó. Nhưng thật sự là một điều kì diệu đó cũng là giai đoạn mà chính quyền ta thực sự là một chính quyền thân dân, gần gũi với dân.

Vì sao chúng ta chuyển mình mô hình Nhà nước qua nhiều thời kì, lần lượt chỉ trong gần nửa thế kỉ đã có đến 4 Hiến pháp, để đến Hiến

pháp 1980 thì mô phỏng gần như hoàn toàn mô hình xô viết và đến Hiến pháp 1992 thì trên nhiều mặt trở lại với mô hình Hiến pháp 1946; không chỉ về tổ chức bộ máy Nhà nước và cả trên nhiều quy định về chế độ kinh tế..."⁽¹⁾.

Là người được gần gũi với Chủ tịch Hồ Chí Minh nhiều năm, Cựu Bộ trưởng Bộ Tư pháp đầu tiên của nước Việt Nam mới là Vũ Đình Hoè nhận xét: "Ngay sau khi đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập*, Bác Hồ đề nghị Chính phủ tổ chức *tổng tuyển cử* và lập *Ban soạn thảo Hiến pháp* do Người tự thân phụ trách, và điều sau đây ít được nói đến: Trước khi có Hiến pháp, Bác đã kí sắc lệnh giữ lại mọi luật lệ chế độ cũ chỉ trừ những điều trái với nền *Độc lập*...

Bác đã đặt nền tảng trước mắt và lâu dài cho kiểu "Nhà nước - Pháp quyền", mặc dầu không dùng từ đó. Ngày nay ta đã quen dùng từ Pháp quyền. Nhưng cách đây 75 năm, lần đầu tiên Bác đưa vào ngôn từ dân tộc một cách tự nhiên như khí trời, hơn nữa đề cao nó như vị trí "thần linh"⁽²⁾.

Về phương diện luật pháp tôn giáo, dù chưa có những tổng kết đầy đủ, ta cũng thấy rõ như vậy.

Ít nhất thì *Chỉ thị Thường vụ Trung ương về vấn đề thành lập Hội phản đế Đông minh* ngày 18-11-1930, tiền thân của *Mặt trận dân tộc thống nhất* ở nước ta, xuất hiện ngay trong Cao

*. GS. TS, Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

trào Xô viết Nghệ Tĩnh đang dâng cao, xứng đáng được coi là mốc mở đầu. Tuyên bố đầu tiên của Đảng về chính sách tôn trọng tự do tín ngưỡng của quần chúng thật đúng với tinh thần Quốc tế Cộng sản: "Vì những chỗ đó đã có cao trào hay phong trào cách mạng, thì phải lãnh đạo từng tập thể sinh hoạt hay tập đoàn của nhân dân gia nhập một tổ chức cách mạng, để dần dần cách mạng hoá quần chúng và *lại bảo đảm tự do tín ngưỡng của quần chúng* (ĐQH nhấn mạnh), đập tan luận điệu phản tuyên truyền cộng sản là vô chính phủ, vô gia đình, vô tôn giáo. Và lại, trong từng tập thể ấy, từ trước có kẻ tốt người xấu, nay do tuyên truyền vận động mà họ hiểu điều hay lẽ phải, đi đến hiểu biết đau khổ nước mất nòi tan, từ đó mà tiến dần lên, nhưng không để họ làm nhầm nhí theo tập quán mà phải lãnh đạo họ dần dần. Như vậy là lấy quần chúng tổ chức quần chúng, lấy quần chúng tuyên truyền quần chúng, đưa dân đức tin của quần chúng vào cách mạng, đưa lí luận cách mạng giáo hoá quần chúng..."⁽³⁾.

Kể từ đó đến Cách mạng tháng Tám 1945, Đảng Cộng sản Đông Dương từ văn kiện Đại hội I ở Ma Cao (3 - 1935) đến Hội nghị Toàn quốc 15 - 8 - 1945 đã phác họa ra những quan điểm cơ bản về vấn đề tôn giáo, trong đó luôn luôn đặt vấn đề *tự do tín ngưỡng* trong khuôn khổ vấn đề Đại đoàn kết dân tộc, cứu nước giành độc lập.

Về phương diện nhà nước, xin nhắc lại sự kiện ngày 3 - 9 - 1945, nghĩa là chỉ một ngày sau lễ Tuyên bố độc lập, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu 6 vấn đề cấp bách, trong đó có hai điều liên quan đến tôn giáo tín ngưỡng: "tất cả công dân trai gái mười tám tuổi đều có quyền ứng cử, bầu cử, không phân biệt giàu nghèo, tôn giáo, giòng giống..." (vấn đề 3); "Thực dân phong kiến thi hành chính sách chia rẽ đồng bào giáo và đồng bào lương để thống trị. Tôi đề nghị chính phủ ra tuyên bố: *tín ngưỡng tự do và lương giáo đoàn kết*" (vấn đề 6)⁽⁴⁾.

Hiến pháp 1946, bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam mới do Hồ Chí Minh chỉ đạo soạn thảo, vì thế, ngay trong chương II, mục B (Quyền lợi và nghĩa vụ), đã xác nhận "mọi công dân Việt Nam có quyền tự do tín ngưỡng".

Linh mục Vương Đình Bích trong bài viết *Tám lòng của Đảng đối với đồng bào giáo hữu*, coi đây là "chứng cứ bằng vàng" và nhận xét: "Bác và Đảng đã long trọng pháp chế hoá chủ trương rõ ràng đó bằng cách ghi quyền tự do tín ngưỡng vào số các quyền tự do dân chủ trong Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, được Quốc hội khoá I thông qua ngày 2- 3 - 1946, đúng thời điểm mà đế quốc Pháp lại lợi dụng tôn giáo một cách trắng trợn khi trao cho một linh mục dòng Camêlô là Thierry l'Argenlieu cầm đầu đoàn quân viễn chinh tái chiếm Đông Dương. Thật là bi hùng"⁽⁵⁾.

Về đại thể, theo chúng tôi, luật pháp tôn giáo ở Việt Nam từ 1945 đến nay có thể phân ra hai giai đoạn:

- *Giai đoạn thứ nhất*, từ 9 - 1945 đến đầu thập kỉ 90, bước khởi đầu xây dựng hệ thống luật pháp về tôn giáo.

- *Giai đoạn thứ hai*, từ đầu thập kỉ 90, khi Đảng Cộng sản Việt Nam có Nghị quyết 24 của Bộ Chính trị, ghi dấu son đổi mới về đường lối, chính sách tôn giáo đến nay: từng bước hoàn thiện hệ thống luật pháp tôn giáo.

Có lẽ văn bản dưới đây là một trong những văn bản có ý nghĩa tổng kết một chặng đường chính sách tôn giáo của Chính phủ ta.

Nhân Phủ thủ tướng có ban hành *Thông tư số 60 - TTg*, ngày 11 - 6 - 1964, *Về việc thi hành chính sách tôn giáo*, nhằm kiểm điểm việc thực hiện *Sắc lệnh số 234 - SL* ngày 14 - 6 - 1955 của Chủ tịch Hồ Chí Minh và hướng dẫn các địa phương, các cơ quan Nhà nước thực hiện những chế định cụ thể *Sắc lệnh* ấy, Phủ thủ tướng có ra bản *Đề cương Giải thích* Thông tư nói trên. Khi kiểm lại chính sách tôn giáo, văn bản này có cái nhìn bao quát: "Đối với đồng bào tôn giáo, tự do tín ngưỡng là một yêu cầu chính đáng. Quyền tự do tín ngưỡng gắn liền với nền độc lập

dân tộc và dân chủ nhân dân... Đảng và Chính phủ ta coi tự do tín ngưỡng là một nguyện vọng tha thiết với đồng bào có đạo, bởi vậy đi đôi với việc cải thiện đời sống cho nhân dân, Đảng và Chính phủ ta cũng tôn trọng tự do tín ngưỡng của đồng bào các tôn giáo.

Ngay khi nhân dân ta chưa giành được chính quyền, Mặt trận Việt Minh - trong cương lĩnh cứu quốc của mình - đã nói đến vấn đề đấu tranh cho quyền tự do tín ngưỡng (năm 1941). Đến khi cách mạng vừa thành công, Bộ Nội vụ ta đã ra nghị định nhắc nhở các địa phương tôn trọng và bảo vệ tự do tín ngưỡng cho đồng bào (20 - 9 - 1945). Hiến pháp đầu tiên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (11 - 1946), cương lĩnh của Đảng Lao động Việt Nam (3 - 1951), Nghị định của Phủ thủ tướng (4 - 10 - 1953) đã ghi rõ điều đó.

Đến ngày 16 - 3 - 1955, Quốc hội khoá III đã thông qua một nghị quyết bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, và đến ngày 22 - 6 - 1955, Hồ Chủ tịch lại kí *Sắc lệnh số 234/SL* về vấn đề tôn giáo.

Nội dung chính sách của Đảng và Nhà nước ta đối với tôn giáo là: Một mặt thật sự tôn trọng tự do tín ngưỡng của đồng bào, giúp đỡ các nhà tu hành làm trọn nghĩa vụ công dân, đối xử bình đẳng giữa các tôn giáo; mặt khác cương quyết đối phó với âm mưu lợi dụng tôn giáo của bọn đế quốc và phản động".

Phần lớn các văn bản này chúng tôi sẽ đề cập ở phần dưới đây.

Cũng giống như bước đi của Cách mạng Việt Nam từ 1945 đến nay, dù có thể chia ra hai giai đoạn, nhưng về cơ bản lộ trình xây dựng luật pháp tôn giáo ở Việt Nam *căn bản là một đường thẳng*, không có những *bước hụt hẫng, gãy khúc quanh co*, phủ định lẫn nhau. Nói cách khác, những nguyên lí kinh nghiệm của chủ nghĩa Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo trước sau vẫn làm căn bản cho lộ trình ấy.

VĂN BẢN

Khi nêu vấn đề: chính Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đặt nền móng cho việc xây dựng luật

pháp tôn giáo ở nước ta, chúng tôi dựa vào tài liệu gốc, gồm các *văn bản trực tiếp* hoặc *gián tiếp* sau đây; ngoài các văn bản Hiến pháp 1946, *Biên bản phiên họp đầu tiên* của Hội đồng Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (Chính phủ lâm thời) đã nói trên:

1. *Sắc lệnh 20-9-1945:*

"Thay mặt cụ Chủ tịch Chính phủ Lâm thời", Bộ trưởng Bộ Nội vụ Võ Nguyên Giáp đã kí tại Hà Nội: "Ra sắc lệnh:

Điều thứ 1: Đền chùa, lăng tẩm, nhà thờ, tất cả các nơi có tính cách tôn giáo, bất cứ tôn giáo nào, nhân dân đều phải tôn trọng, không được xâm phạm"⁽⁶⁾...

2. *Sắc lệnh số 65*

Sắc lệnh này do Hồ Chí Minh, Chủ tịch Chính phủ lâm thời kí tại Hà Nội, ngày 23/11/1945 về việc *bảo tồn cổ di tích* và giao nhiệm vụ "bảo tồn tất cả cổ di tích trong toàn cõi Việt Nam" cho Đông Dương Bác cổ học viện (Việt Nam Général Institute). Trong đó có:

"*Điều 4:* Cấm phá huỷ những đền, đình, chùa, miếu hoặc những nơi thờ tự khác, những cung điện, thành, quách của làng chưa được bảo tồn. Cấm phá huỷ bi kí, đồ vật, văn bằng, chiếu sắc, giấy má sách vở có tính chất tôn giáo hay là không nhưng có lợi ích cho lịch sử mà chưa được bảo tồn"⁽⁷⁾.

3. *Sắc lệnh số 22 - (ngày 18/12/1946 ấn định những ngày Tết, kỉ niệm lịch sử và tôn giáo)*⁽⁸⁾

Sắc lệnh do chính Hồ Chí Minh kí cùng ngày, trong đó:

"*Điều thứ nhất:* Những ngày Tết, kỉ niệm lịch sử và lễ tôn giáo, ấn định trong bảng đính theo sắc lệnh này, sẽ được coi là những ngày lễ chính thức.

Trong những ngày lễ ấy, các công sở trong toàn quốc sẽ đóng cửa, và sẽ cử nhân viên phụ trách công việc thường trực".

Với bản *Phụ đính* kèm theo:

BẢNG KÊ NHỮNG NGÀY NGHỈ TẾT, KỈ NIỆM LỊCH SỬ VÀ LỄ TÔN GIÁO

Tên những ngày Tết, kỉ niệm lịch sử và lễ tôn giáo	Ngày, tháng		Số ngày nghỉ
	Dương lịch	Âm lịch	
I. Những ngày Tết...			
II. Những ngày kỉ niệm lịch sử			
- Hai Bà Trưng		5 tháng 2	Một ngày
- Hùng Vương		10 tháng 3	Một ngày
- Lễ Lao động	1 tháng 5		Một ngày
- Trần Hưng Đạo		20 tháng 8	Một ngày
- Việt Nam độc lập	2 tháng 9		Một ngày
...			
III. Những ngày lễ tôn giáo			
a. Phật giáo			
- Sinh nhật Đức Phật Thích Ca...		8 tháng 4	Một ngày
- Trung Nguyên		15 tháng 7	Một ngày
- Lễ Đức Phật thành đạo		8 tháng 12	Một ngày
b. Giatô giáo			
- Lễ Phục Sinh (Pâques)	tháng 4		Một ngày (thứ hai)
- Lễ Các thánh (Toussaint)	1 tháng 11		Một ngày
- Thiên Chúa Giáng sinh (Noel)	25 tháng 12		Một ngày

4. Sắc lệnh về việc miễn thuế đất và hoa mầu cho các tổ chức tôn giáo năm 1949

Trong mục *Bất động sản được miễn thuế*, loại *Miễn thuế vĩnh viễn*, có ghi:

"3) Những tha ma, nghĩa địa, đình, đền, chùa, nhà thờ đạo Giatô, Cao Đài, v.v... có tính cách công cộng và các nhà đất phụ thuộc *không có hoa lợi gì* (in nghiêng trong nguyên bản, ĐQH).

4) Các nhà cửa thuộc các đoàn thể Công giáo, Phật giáo, v.v... dùng vào việc dạy học, cứu thương, cứu tế không lấy tiền và các sân vườn phụ thuộc"⁽⁹⁾.

5. Văn kiện của Hội nghị toàn quốc Ủy ban Liên Việt (1951)

Văn kiện này khi nói về chính sách "kiến quốc" có đề cập "Đảm bảo nhân quyền, dân quyền và tài quyền cho mọi công dân Việt Nam". Về "*Nhân quyền*": là tự do tư tưởng và tín ngưỡng, tự do cư trú và đi lại"⁽¹⁰⁾.

6. Nghị định Chính sách của Chính phủ đối với Tôn giáo, số 315-TTG, ngày 4-10-1953 do Phó Thủ tướng Phạm Văn Đồng kí.

Văn bản này gồm 2 phần lớn:

I. Âm mưu của giặc lợi dụng tôn giáo để chia rẽ dân tộc

II. Chính sách của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đối với Tôn giáo, trong đó nêu rõ hơn khái niệm "Tôn trọng tự do tín ngưỡng" và

vấn đề "Đoàn kết toàn dân, không phân biệt giáo lương để kháng chiến kiến quốc. Phá tan âm mưu của địch lợi dụng tôn giáo, chia rẽ dân tộc. Kiên quyết trừng trị những kẻ lợi dụng tôn giáo hành động "phản quốc, hại dân" và "Cải thiện đời sống, nâng cao trình độ chính trị và văn hóa của đồng bào tôn giáo"⁽¹¹⁾.

7. Thư (viết tay) của Linh mục Nguyễn Nghị Lịch gửi Hồ Chủ tịch ngày 25/12/1954⁽¹²⁾.

8. Sắc lệnh số 234 - SL ngày 14 - 6 - 1955 ban hành chính sách tôn giáo, do chính Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà Hồ Chí Minh kí cùng ngày (Phó Thủ tướng Phạm Văn Đồng tiếp kí).

Đây là văn bản có tính luật pháp tiêu biểu và hoàn chỉnh nhất cho những cống hiến quan trọng của Hồ Chí Minh trên chặng đường đầu tiên xây dựng luật pháp tôn giáo ở Việt Nam.

Văn bản gồm 5 chương:

Chương I: Từ Điều 1 đến Điều 7, có tiêu đề Bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, với những sự thể chế hoá cơ bản nhất về quyền tự do tôn giáo theo quan điểm của Việt Nam.

Chương II: Gồm 2 điều (8 và 9) về Những hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội của các tôn giáo.

Chương III: Vấn đề ruộng đất của các tôn giáo, gồm 3 điều (10, 11 và 12) giải quyết vấn đề thuộc loại phức tạp bậc nhất trong quan hệ Nhà nước - Giáo hội ở nước ta.

Chương IV: Quan hệ giữa chính quyền nhân dân và các tôn giáo

Gồm 3 điều (13, 14, 15), đề cập đến một vấn đề vừa có tính thời sự, vừa có tính cơ bản lâu dài trong quan hệ Nhà nước và các tổ chức tôn giáo ở Việt Nam, đặc biệt trong quan hệ với Tòa thánh La mã.

Chương V: Điều khoản thi hành (có một điều, Điều 16, điều cuối cùng)⁽¹³⁾.

9. Thông tư số 60 - TTg; ngày 11 6 - 1964, do Thủ tướng Phạm Văn Đồng kí, bổ sung cho

Thông tư 593 - TTg (10-12-1957), về việc thi hành chính sách tôn giáo theo sắc lệnh 234 SL nói trên của Hồ Chí Minh⁽¹⁴⁾.

Đề cập Thông tư này để thấy sự triển khai tích cực của Chính phủ đối với văn bản quan trọng trên.

10. Nghị quyết số 297 - CP ngày 11 - 11 - 1977 về Một số chính sách đối với Tôn giáo do Thủ tướng Phạm Văn Đồng kí.

Mặc dù Hồ Chí Minh đã đi xa (1969), nhưng với văn bản rất đáng chú ý này, từ Những nguyên tắc chung (5 nguyên tắc về tự do tôn giáo tín ngưỡng) đến Một số chính sách cụ thể (6 chính sách về các hoạt động tôn giáo) cho ta thấy rõ tư tưởng Hồ Chí Minh đã in dấu như thế nào đến sự hình thành rõ rệt tính cách của luật pháp tôn giáo ở Việt Nam.

10 văn bản, tài liệu trên sẽ là cơ sở chủ yếu cho sự phân tích của chúng tôi. Nhiều văn bản trong số này thuộc số lần đầu tiên được công bố. Dĩ nhiên, những văn bản, tư liệu đã có (chủ yếu tập trung trong cuốn *Hồ Chí Minh với vấn đề tôn giáo tín ngưỡng* của Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Nxb. KHXH, 1998) vẫn được sử dụng, khai thác.

TỰ DO TÔN GIÁO

Cho đến gần đây, vẫn có những người cho rằng, phải đến "Nghị định 26, tuyên bố "tự do tôn giáo, đó là nét rất mới mà hàng chục triệu tín đồ các tôn giáo mong chờ từ lâu"⁽¹⁵⁾, bởi vì nếu chỉ nói "tự do tín ngưỡng" thì đó là thứ "tự do tâm linh, ngoài lãnh vực quản lí của cơ chế"... Có tác giả còn nói rõ hơn "người tôn giáo đòi hỏi quyền tự do tôn giáo chứ không phải tự do tín ngưỡng ... Nếu Nhà nước có ban hành luật lệ nào, chính là những sinh hoạt tôn giáo, chứ không thể đụng đến tín ngưỡng của người dân. Chính với tính cách là tôn giáo, nghĩa là với hệ thống tổ chức đòi hỏi một ý thức hệ tôn giáo, một cơ cấu giáo phẩm, luật lệ cũng như cơ sở sinh hoạt, nghi lễ... mà các tôn giáo cần phải được tôn trọng và bảo vệ"⁽¹⁶⁾.

Đúng là trong ngôn ngữ của các Hiến pháp, các văn bản pháp luật ở nước ta trước 1992 chưa có cụm từ này.

Sắc lệnh số 234 SL ngày 14 - 6 - 1955 do Hồ Chí Minh kí nói trên, lần đầu tiên trình bày khá toàn diện nội dung về *quyền tự do tôn giáo* mà ngôn ngữ văn bản này gọi là *bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng* (chương I).

Trong đó, *Điều 1* đề cập đến cả 3 mặt của khái niệm *tự do tôn giáo*: "Chính phủ bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và *tự do thờ cúng*, quyền theo hoặc không theo một tôn giáo nào"; "tự do giảng đạo tại các cơ quan tôn giáo" và "khi truyền bá tôn giáo".

Xin lưu ý rằng, cho đến đầu thế kỉ XX luật pháp tôn giáo của Pháp như Luật 9-12-1905 về việc *Tách rời các Giáo hội và Nhà nước* (quen gọi là *Luật phân li*) cũng chỉ nói đến "tự do lương tâm" (*liberté de conscience*) và "tự do thực hành thờ cúng" (*le libre exercice des cultes*) (xem *Điều 1, chương I, Các nguyên tắc*). Ngôn ngữ luật pháp ấy của Bộ Luật Phân li không hề ảnh hưởng đến vị trí của một bộ luật mẫu mực về việc giải quyết vấn đề *Tự do tôn giáo* chân chính và quan hệ Nhà nước-Giáo hội.

Khái niệm và nội dung các "Quyền tự do tư tưởng, tự do tín ngưỡng và tôn giáo" thường nằm trong các văn bản pháp luật quốc tế về quyền con người. Cũng phải đến bản *Tuyên ngôn toàn thế giới về nhân quyền* (của Liên Hiệp quốc, 10 - 12 - 1948) (*Điều 18*); trong *Công ước quốc tế về các Quyền Dân sự và chính trị* (*Điều 18*); hoặc trong *Công ước Châu Âu* (1950, *Điều 9*) mới được phân định rõ ràng các quyền trên và từ đó các thuật ngữ mới được sử dụng rộng rãi.

Phải nói rằng, cụm từ *tự do thờ cúng* được Hồ Chí Minh đưa vào Sắc lệnh này là lần đầu tiên, phải chăng chính Người cũng có ý muốn đưa ngôn ngữ luật pháp tôn giáo của nước ta gần gũi hơn với quốc tế, với Châu Âu!

Có một thực tế khác, đối với các nước xã hội chủ nghĩa trước đây, kể cả luật pháp Liên Xô

(cũ) về tôn giáo, thuật ngữ "tự do tín ngưỡng vẫn quen được sử dụng trong luật pháp Xô viết" như nhận xét của các nhà nghiên cứu lịch sử luật pháp nước này⁽¹⁷⁾.

Nếu chúng ta so sánh những nội dung trên về *quyền tự do tôn giáo* trong *Sắc lệnh số 234 - SL* là một bước tiến dài về luật pháp tôn giáo ở Việt Nam, vừa in dấu những nét đặc thù của đời sống xã hội và tôn giáo nước ta và quan trọng hơn, đã tiếp cận khá sát với *điều 18* và *điều 9* của các Công ước quốc tế nói trên.

Còn trong thực tiễn, nếu chỉ là chuyện "tự do tâm linh", chắc hẳn đã không có sắc lệnh đầu tiên của Bộ Nội vụ Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà về việc bảo vệ đền, chùa, nhà thờ (*Sắc lệnh 20 - 9 - 1945, tư liệu 1*). Xin có thêm một bằng chứng: Trên tờ *Sự thật*, số 6 - 4 - 1945, Trường Chinh với bút danh T.C có bài "*Đánh đổ khuynh hướng sai lầm. Đừng xâm phạm đến tín ngưỡng của dân*" có nhiều ý tưởng rất mới mẻ lúc ấy, nghiêm khắc phê phán căn bệnh ấu trĩ, tả khuynh của một số cán bộ chính quyền.

Chúng ta cũng lưu ý hoàn cảnh ra đời rất đặc biệt của *Sắc lệnh* này.

J. Sainteny, một quan chức cao cấp Pháp có mặt ở Hà Nội lúc đó, tận mắt chứng kiến những phức tạp về chính trị xã hội và tôn giáo mà Chính phủ ta phải đương đầu ngay sau Hoà bình vừa lập lại (10-1954), cũng phải thừa nhận: "... Chính phủ Hà Nội đã uốn nắn lập trường của mình và tôi cảm động biết bao nhớ lại những ngày lễ Noel lúc nửa đêm, trong nhà thờ và ngoài đường phố, có những đám đông dân chúng mà có khi có cả những bộ đồng phục của bộ đội Quân đội Nhân dân... Có lẽ phần lớn nhờ uy tín của ông Hồ nên mới có lập trường khá tự do đó, mà có người cho là lạ kì vì Bắc Việt Nam là cộng sản chính thống"⁽¹⁸⁾.

Ngay sau khi Sắc lệnh 234 - SL được công bố trên báo *Nhân Dân*, J. Sainteny đã viết: "Đáng lẽ phải chép nguyên văn, chúng tôi chỉ xin trích ra đây một số đoạn: "Việc bảo vệ tự do tín ngưỡng bắt buộc phải trừng trị những kẻ đội

lốt tôn giáo gây rối loạn"; "khi giảng đạo, những L.m còn có trách nhiệm dạy cho tín đồ yêu Tổ quốc, ý thức công dân theo luật pháp" (điều 1. *Sắc lệnh*). Như vậy, trên thực tế đặt ra nguyên tắc nhà nước đứng trên tôn giáo⁽¹⁹⁾.

J. Sainteny cũng dành một số trang nói rõ ảnh hưởng lớn và tức thì của *Sắc lệnh* này, đặc biệt trong những vấn đề tôn giáo phức tạp nhạy cảm nhất lúc đó: sinh hoạt Công giáo trong các Giáo phận Hà Nội, Lạng Sơn, Hưng Hoá... lúc đó khi vẫn còn sự hiện diện nhiều giáo sĩ, các giám mục *Đại diện Tông toà* người ngoại quốc ở miền Bắc...

Để thấy rõ sức ảnh hưởng của *Sắc lệnh* với chính người Công giáo Việt Nam, chúng ta hãy đọc những dòng thư này của Linh mục Nguyễn Nghị Lịch địa phận Hưng Hoá gửi Hồ Chủ tịch: "Ngày lễ Noel năm nay, nhờ sự sáng suốt của Cụ và chính phủ, giáo dân chúng con được mừng lễ Noel trong bầu không khí êm đẹp, chẳng sợ máy bay súng đạn vách vuốt, mấy năm trước, được vui vẻ hơn gấp bội. Lại được uỷ ban địa phương đến rự lễ mở cuộc met tinh đọc thư Cụ, gửi chúc đồng bào Công giáo chúng con lấy làm cảm mến quá. Và sau khi đọc hai bức thư của Giám mục Hoàng Văn Đoàn và Linh mục Phạm Bá Trục bày tỏ những mưu mô của bọn Ngô Đình Diệm mượn tiếng tôn giáo để phá nền hoà bình và gây mối lương giáo nghi kỵ, thật là làm hại Công giáo Việt Nam, chúng con lấy làm căm phẫn lắm nhưng nhờ sự sáng suốt của Cụ và Chính phủ hẳn là chúng không chia rẽ nổi" (nguyên văn, *Tài liệu 7*, đd).

Quả thật, *Sắc lệnh* trên có ý nghĩa to lớn trong tình hình tôn giáo Việt Nam ngay sau Hiệp định Giơnevơ.

Tại Sài Gòn, ngay 1966, Hoàng Phương cho ra mắt cuốn *Cộng sản và Tôn giáo tại Việt Nam*, dĩ nhiên đứng trên quan điểm chống cộng của Mỹ - Diệm. Ông ta viết: "Lí do cụ Hồ ra sắc lệnh: Cuộc di cư một triệu người vào Nam là một lát búa đánh vào đầu óc cộng sản. Vì thế cộng sản phải chuyển hướng: Mời 2 L.m Ba Lan qua Hà Nội, triệu hồi Bộ trưởng Nguyễn

Mạnh Hà từ Pháp về. Mặc dù không có sự thoả thuận của Thiên Chúa giáo, ngày 14/6/1955 Hồ Chí Minh đã kí Sắc lệnh về tôn giáo⁽²⁰⁾. Hoàng Phương còn đả phá "nhóm Thiên Chúa cấp tiến" (nòng cốt của Uỷ ban Đoàn kết Công giáo Việt Nam sau này - ĐQH): "Chúng ta thấy sắc lệnh này ra đời cũng nhờ một nhóm gọi là Thiên Chúa giáo "cấp tiến", phong trào khai sinh rất phù hợp với đường lối cộng sản"⁽²¹⁾.

Thái độ ấy của tác giả là dễ hiểu. Có điều, cũng chính trong cuốn sách đã dẫn, J. Sainteny trước khi trình bày về sự kiện sắc lệnh về tôn giáo của Hồ Chí Minh đã viết: "Thật vậy, Quốc hội Việt Nam Dân chủ Cộng hoà họp ở Hà Nội đã đồng thanh ưng thuận một quyết định: tuyên bố *tự do tín ngưỡng và cúng tế* rõ ràng nhằm tuyên truyền lên án bọn "phản động và Mỹ" trách nhiệm dụ dỗ tín đồ di cư vào Nam. Nhiều lần vị Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tuyên bố trên đài phát thanh và báo chí học thuyết ấy..."

Vào thời điểm ấy, Đảng ta có nhiều *Thông tư, Chỉ thị* về việc thi hành sắc lệnh mới về tôn giáo. Đảng ta nhận thức sâu sắc: "Trong việc chấp hành chính sách tôn giáo từ trước đến nay ta đã phạm nhiều sai lầm. Nhất là trong cải cách ruộng đất vừa qua, nhiều sai lầm rất nghiêm trọng của ta ở những vùng đông đồng bào Công giáo, làm cho quần chúng Công giáo càng thêm hoài nghi, kém tin tưởng vào chính sách tôn trọng tự do tín ngưỡng của Đảng và Chính phủ"⁽²²⁾.

Chỉ thị số 29 - CT/TU ngày 27/6/1955 của Ban Bí thư, sau khi nhấn mạnh "ý nghĩa hết sức quan trọng" của việc Hồ Chủ tịch đã ra sắc lệnh bảo đảm các quyền tự do tín ngưỡng đã nhắc nhở: "cần làm cho cán bộ và nhân dân nắm được tinh thần của chính sách bảo đảm tự do tín ngưỡng, phân biệt vấn đề tín ngưỡng của nhân dân với việc đế quốc lợi dụng tôn giáo, phân biệt tín đồ tôn giáo với bọn phản động đội lốt tôn giáo. Cần đề phòng tư tưởng lệch lạc như: Chỉ thấy phải bảo đảm tự do tín ngưỡng của nhân dân mà không thấy cần phải ngăn ngừa và

trùng trị bọn lợi dụng tôn giáo để phá hoại. Hoặc trái lại, chỉ thấy phải trùng trị bọn phản động mà không chú ý đến tín ngưỡng của quần chúng, sợ quần chúng vạch sai lầm của cán bộ, không muốn phổ biến rộng rãi bản Sắc lệnh hoặc giải thích sai lệch đi..."⁽²³⁾.

Như vậy là thái độ với vấn đề tự do tôn giáo của Đảng ta thực rõ ràng và phân minh. Cũng trong dịp ấy, bài nói của đồng chí Hoàng Quốc Việt trong Hội nghị phổ biến sắc lệnh này có đoạn: "Chính phủ ra sắc lệnh bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng là để *pháp luật hoá* các chính sách từ trước tới nay của ta về tôn giáo, làm cho chính sách của ta có *hiệu lực của pháp luật nhà nước*. Đồng thời lại đề ra trong sắc lệnh một số chủ trương cụ thể để ta tiến lên một bước tranh thủ quần chúng rộng rãi trong các tôn giáo"⁽²⁴⁾.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về *tự do tôn giáo* trong điều kiện Việt Nam ít năm sau, được tóm tắt trong *5 nguyên tắc chung ở Nghị quyết số 297 - CP 11-11-1977* (t.1 đđ):

Sắc lệnh 234 - SL (1955) của Hồ Chí Minh đã có sự kiểm chứng của thời gian. Linh mục Nguyễn Thái Bá trong bài *Trở lại vấn đề tự do tôn giáo* trên tờ *Người Công giáo Việt Nam* số 25/5/1978 đã đánh giá: "đó là bó được rọi đường cho tín đồ các tôn giáo từng bước đi đến những chân trời chói sáng, như ta thấy ngày nay giáo sĩ và giáo dân chúng ta đã dần dần đi vào quỹ đạo cách mạng, để có được một lập trường đúng đắn, ích nước lợi dân, đồng thời có tính cách xây dựng một giáo hội phù hợp với những bước tiến của thời đại và cả với tinh thần của Công đồng Vatican II nữa".

Với nội dung then chốt *vấn đề tự do tôn giáo*, Linh mục viết: "Đúng ra mà nói, tự do tôn giáo dưới chế độ cũ, có khác gì món hàng trao đổi: *do ut des*. Chúng để tôn giáo tự do, để rồi chúng ép buộc tôn giáo phải làm lợi cho chúng mặt này hay mặt khác. Giáo hội xưa vẫn cho mình đứng trên và ngoài quốc gia, vẫn tuyên bố không làm chính trị. Tự trung, Giáo hội vẫn làm chính trị: hoặc đứng về phe cánh này, hoặc ủng hộ chế độ kia, hoặc lên án chủ thuyết này,

hoặc bênh vực chính thể nọ, chứ không bao giờ là đứng hoàn toàn độc lập được... Không bao giờ có thứ tự do tôn giáo tuyệt đối: tự do lễ bái không có nghĩa kéo dài lê thê các nghi lễ, rước sách linh đình, xây cất nhà thờ, nhà chùa vô tội vạ trong khi người dân lũ lụt đói nghèo..."

Còn Linh mục Vương Đình Bích trong bài *Tám lòng của Đảng đối với đồng bào giáo hữu* (đđ) đã gọi "*5 nguyên tắc*" (của NQ số 297-CP nói trên) *một cơ sở: Đồng bào...!* và "*6 chính sách: sáu điều chăm lo*"!

THỂ CHẾ HOÁ CHÍNH SÁCH TỰ DO TÔN GIÁO

Từ đầu thế kỉ XX, luật pháp tôn giáo các nước Châu Âu vẫn tiếp tục công việc hơn một thế kỉ qua, hoàn thiện luật pháp tôn giáo của mình.

Thực ra, ở nước ta, trong giới tôn giáo vẫn tồn tại một cách nghĩ khác: "chúng ta đã có Hiến pháp. Chúng ta cũng đã có bộ Luật Dân sự và Hình sự. Nếu cần những luật lệ nào đó liên quan đến các hoạt động tôn giáo, với tính cách là những hoạt động này có tác động, ảnh hưởng đến đời sống công cộng, thì nên đưa vào Luật Dân sự" (Bài *Vài nhận xét về Nghị định số 26... CG và DT*, số đã dẫn).

Luật pháp Tôn giáo dù sao vẫn là cần thiết, giống như nhiều bộ luật khác như *Luật Lao động, Luật Công đoàn, Luật Báo chí..* dù rằng Quốc gia nào cũng đã có *Luật Dân sự*. Đây là ý kiến của A. Boyer khi nghiên cứu lịch sử luật pháp tôn giáo ở Pháp".

Ông này viết: "Tôn giáo hay tín ngưỡng tự nó không cấu thành một khái niệm xác định về mặt pháp lí. Tuy nhiên, trong các hoạt động pháp lí, có nhiều phạm trù liên quan đến các tổ chức tôn giáo. Nhiều nguyên tắc pháp lí cơ bản có liên quan đến tôn giáo, chủ yếu đến các hoạt động công cộng của nó. Tuy nhiên, theo nghĩa rộng, vì thế, vẫn tồn tại các luật liên quan đến tôn giáo ở Pháp cũng như ở Châu Âu"⁽²⁵⁾.

Ngay trong hoàn cảnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đang quyết liệt, năm 1949,

những người cộng sản Việt Nam cũng đã công khai nói rõ quan điểm về *một nhà nước thế tục* của mình: "Chúng tôi chủ trương "Nhà thờ li khai với Nhà nước và nhà trường li khai với nhà thờ" là vì muốn cho chính quyền không can thiệp đến việc tín ngưỡng và tôn giáo, không lợi dụng tín ngưỡng mà bắt tín đồ theo ý kiến của chính quyền, không ai được lợi dụng công việc dạy học mà tuyên truyền tôn giáo mà cũng không ai được vì tôn giáo mà chế biến chương trình giáo dục của nhà nước. Có như thế tôn giáo và tín ngưỡng mới được tự do, không bị người ta làm sai lạc đi"⁽²⁶⁾.

Sắc lệnh số 234 - SL ngày 16 - 6 - 1955 nói trên của Chủ tịch Hồ Chí Minh với nhiều điều khoản phong phú, hệ thống, liên quan đến các hoạt động tôn giáo, lần đầu tiên phản ánh rõ quan điểm, thái độ của Nhà nước ta trong việc *thể chế hoá* chính sách tự do tôn giáo của mình, đồng thời cũng đã bộc lộ những tư tưởng nhân văn, có tình có lí, giải quyết vấn đề tôn giáo theo cung cách Việt Nam.

Dưới đây là một số điểm mới có ý nghĩa nền tảng trong chính sách tôn giáo của Nhà nước ta qua *Sắc lệnh* này:

a) Nhà nước ta không những tôn trọng tự do tín ngưỡng mà còn *đảm bảo* quyền tự do ấy.

Tên *Chương I* *Sắc lệnh* với 7 điều nói rõ tư tưởng này.

Quyền "tự do giảng đạo của các nhà tu hành" và "truyền bá tôn giáo" (*Điều 1*) vốn là mối bận tâm hàng đầu của luật pháp tôn giáo các nước, được chính phủ bảo đảm và nhắc nhở "các nhà tu hành có nhiệm vụ giáo dục cho các tín đồ lòng yêu nước, nghĩa vụ công dân".

Việc xuất bản, sử dụng sách báo tôn giáo (*Điều 4*), quyền "được mở trường đào tạo những người chuyên hoạt động tôn giáo" (*Điều 5*) và hơn nữa đã khẳng định *luật pháp Việt Nam bảo hộ* các cơ sở thờ tự (*Điều 6*).

Sắc lệnh còn có tầm nhìn xa khi xác định "các tôn giáo được phép mở trường tư thục" (*Điều 9, Chương II*), dĩ nhiên các trường đó phải

dạy theo "chương trình giáo dục của Chính phủ". Sự quan tâm của Chính phủ sau đó được thể hiện ở *Thông tư 593 - TTg* 10 - 12 - 1957 về "chủ trương đối với các trường lớp tôn giáo" cũng như trong *Thông tư số 60 /TTg* ngày 11/6/1964 của Thủ tướng đã nêu trên. Chúng ta cần liên hệ những nỗ lực của Chính phủ giúp đỡ đạo Công giáo "khôi phục lại những chủng viện đã bị tan tác vì âm mưu dụ dỗ cưỡng ép di cư của địch"⁽²⁷⁾.

b) Vấn đề *ruộng đất của các tôn giáo* là một vấn đề lịch sử đối với miền Bắc nước ta khi ở giai đoạn kết thúc cuộc cách mạng dân tộc dân chủ. Đã có rất nhiều văn bản về vấn đề này trong kháng chiến chống Pháp và ngay cả sau khi ban bố *Sắc lệnh* này, nhiều bản do chính Hồ Chí Minh kí. Chúng tôi đã có dịp phân tích tương đối kĩ "cách giải quyết rất Việt Nam, rất Hồ Chí Minh" trong vấn đề rất đặc thù này⁽²⁸⁾.

c) Đây cũng là sắc luật đầu tiên, Nhà nước ta chính thức tuyên bố nguyên tắc "không can thiệp vào nội bộ các tôn giáo" (*Điều 13, chương 4*), một trong những nguyên tắc cơ bản của các nhà nước thế tục.

Đồng chí Hoàng Quốc Việt nhắc nhở: "Các cán bộ vận động tôn giáo cần hiểu rõ luật lệ nội bộ của các tôn giáo" để xử lí các trường hợp cụ thể, nhưng cũng cần "phân biệt đâu là vấn đề nội bộ tôn giáo, đâu là chỗ bọn tay sai đế quốc lợi dụng tôn giáo để xử trí thích đáng"⁽²⁹⁾.

Cũng trong *Điều 13*, còn nói: "Riêng về Công giáo, quan hệ về tôn giáo giữa Giáo hội Việt Nam với Toà thánh La mã là vấn đề nội bộ của Công giáo".

Sắc lệnh đã đề cập một vấn đề có tính nguyên tắc lâu dài của Chính phủ ta với những người Công giáo Việt Nam và Toà thánh La mã, nhưng ở thời điểm đó còn có ý nghĩa bác bỏ luận điệu: Chính phủ Việt Nam chủ trương đối lập Giáo hội Việt Nam với Rôma và muốn tách Giáo hội Việt Nam khỏi La mã nhằm kích động giáo dân trong, ngoài nước chống lại chính quyền.

Theo tinh thần của *Sắc lệnh, Thông tư số 60/TTg 11 - 6 - 1964* đã tiếp tục thể chế hoá nhiều vấn đề rất nhạy cảm: việc lựa chọn người để đào tạo nhà tu hành, trong việc phong chức, cất nhắc chức sắc tôn giáo.

Giải thích những yêu cầu của Chính phủ với các tôn giáo *trước khi phong chức hoặc cất nhắc, Đề cương Giải thích* có đoạn: "Như vậy không có nghĩa chính quyền ta xâm phạm vào lễ nghi tôn giáo, làm khó dễ cho tôn giáo. Thực ra vấn đề này không có gì mới mẻ trong quan hệ giữa các tổ chức tôn giáo và nhà nước trên thế giới. Chỉ có khác nhau về tính chất của sự việc mà thôi... Giáo hội Thiên Chúa trước đây vẫn có lệ là trước khi phong chức cho ai thường thông báo cho giáo dân để đồng bào góp ý kiến. Ngày nay, giáo hội nên duy trì tục lệ đó"⁽³⁰⁾.

d) *Sắc lệnh* còn có một tư tưởng mới mẻ, *Chính quyền dân chủ Cộng hoà* còn coi việc tự do tín ngưỡng, tự do thờ cúng là *một quyền lợi* của nhân dân và luôn luôn tôn trọng và giúp đỡ nhân dân thực hiện nó (*Điều 15*).

Một nhà nước thế tục chân chính không bao giờ dựa vào hoặc nâng đỡ các tôn giáo hay một tôn giáo nào đó, tất cả các tôn giáo đều được bình đẳng trước pháp luật. Nhưng việc giúp đỡ cho người dân thoả mãn các nhu cầu tâm linh, tín ngưỡng tôn giáo của họ lại là ứng xử cần thiết trong xã hội văn minh.

e) *Sắc lệnh* về chính sách tôn giáo của Hồ Chí Minh còn bộc lộ một tư tưởng tiên tiến đã có trong luật pháp tôn giáo Châu Âu là "các tổ chức của các tôn giáo có tính chất kinh tế, văn hóa xã hội đều được coi như những tổ chức tư nhân và được pháp luật bảo hộ" (*Điều 8, chương 3*). Dĩ nhiên, nó phải được chính quyền chuẩn y chương trình, điều lệ mới được phép hoạt động.

LỜI KẾT

Chủ tịch Hồ Chí Minh sống và hoạt động trong một "Thời đại của những thái cực" (E.J. Hobsbawm, *L'Âge des extrêmes histoire du Court XX^e siècle*, Ed. Complexe, Paris, 1994), trong đó việc giải quyết vấn đề tôn giáo đã là một trong những vấn đề phức tạp nhất của lịch sử nhân loại thế kỉ vừa qua.

Ở nước ta, do các cuộc chiến tranh và cách mạng kéo dài và hết sức quyết liệt, do các thế lực thực dân đế quốc thâm căn cố đế trong chính sách lợi dụng vấn đề tôn giáo, dân tộc để chống phá cách mạng, nên việc giải quyết vấn đề tôn giáo càng thêm khó khăn, phức tạp.

Những người Cộng sản Việt Nam, khi hoạt động trong đêm tối hay khi cầm quyền, do nắm vững quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin và được soi rọi trực tiếp bằng tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo, tín ngưỡng đã vượt qua một cách vẻ vang thử thách đó.

Chính Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt nền móng cho việc xây dựng bước đầu luật pháp tôn giáo ở Việt Nam, cho Việt Nam. Cũng trong hệ thống Xã hội chủ nghĩa trước đây, nhưng ở Việt Nam chưa bao giờ có cách nhìn luật pháp tôn giáo theo định đề: *bảo đảm tự do tín ngưỡng cho công dân*, nhưng đồng thời cũng đảm bảo quyền tự do tuyên truyền chống tôn giáo (*Hiến pháp Liên Xô, 1936*) hoặc "tự do tuyên truyền vô thần" (*Hiến pháp Liên Xô, 1977*).

Với *Sắc lệnh số 234 - SL*, Hồ Chí Minh đã đúc kết những nguyên tắc tư tưởng và chính trị cho việc xây dựng luật pháp tôn giáo ở Việt Nam mà hôm nay, hơn lúc nào hết, chúng ta cần phải "tìm đến ngọn nguồn" cho bước đi tiếp./.

Chú thích.

1. Nguyễn Đình Lộc. *Một số suy nghĩ bước đầu về phương pháp tiếp cận nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng một kiểu chính quyền thân dân, do dân, vì dân* trong cuốn: *Nghiên cứu Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật*, Bộ Tư pháp XB, Hà Nội, 1993, tr. 24 - 25.
Có tác giả đã thống kê, từ 1945 đến 1964, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kí và ban hành 613 sắc lệnh các loại... (xem bài của Đức Vương, Sđd, tr. 179).
2. Xem: Vũ Đình Hoè. *Pháp quyền nhân nghĩa Hồ Chí Minh*. Nxb. Văn hóa - Thông tin, 2001, tr. 352.
Trong sách này, Vũ Đình Hoè nêu ra 5 nội dung của "tư tưởng nhân nghĩa Hồ Chí Minh", trong đó có thành tố *Pháp quyền*. Ông đã phân tích bản *Yêu sách của nhân dân An Nam (revendication)* năm 1919 của Nguyễn ái Quốc mà vào năm 1922, với tên X. Bác Hồ chuyển thành *Việt Nam yêu cầu ca*, trong đó có câu:
Bấy xin Hiến pháp ban hành.
Trăm điều phải có thân linh pháp quyền...
Ông viết: "Pháp quyền nâng đến mức "thần linh" để chỉ đạo trăm điều của cuộc sống trần tục này... Rõ ràng hai câu "ca" trên bao hàm khái niệm hiện đại "Nhà nước pháp quyền" (Etat de droit) và nó chưa hề có trong lí luận Nhà nước và pháp quyền..." (Sđd, tr. 324-325).
3. *Văn kiện Đảng về Mặt dân tộc thống nhất (từ 1930-1970)*. Nxb. Sự thật, 1971, tr. 24 - 26.
4. *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chí tịch*. Nxb. Sự thật, 1970, tr. 21.
5. Xem: *Công giáo và Dân tộc*, số 10-8-1986.
6. Trung tâm lưu trữ Quốc gia III, *Hồ sơ 97 (Tập Sắc lệnh của Chủ tịch phủ Việt Nam năm 1945- 1946)*.
7. Trung tâm lưu trữ Quốc gia III. Sđd.
8. *Việt Nam Dân quốc Công Báo*, 2 -3 - 1946.
9. Lưu trữ Quốc gia III, *Hồ sơ số 99. Tập Sắc lệnh của Chủ tịch Phủ Việt Nam năm 1949*.
10. Lưu trữ Quốc gia III. Hồ sơ số 88. (*Tập Tài liệu các cuộc Hội nghị của UBLVTQ năm 1951 - 1952*).
11. Xem: *Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà*, số 9, 10/1953.
12. Lưu trữ Quốc gia III. Hồ sơ số 1103.
13. Xem: *Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà*, số 11 - 1955.
14. Xem trong cuốn: *Thông tư về việc thi hành chính sách tôn giáo*. Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1964.
15. *Công giáo và Dân tộc*, số 1208, 21-5 - 1999.
16. *Công giáo và Dân tộc*, số 1209, 3 - 6- 1999.
17. Xem: Rudinski và Shapirô. *Quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo ở nước Nga hiện nay*. Tạp chí *Nhà nước và Pháp luật*, N^o 5/1992, Mátxcova, Tiếng Nga.
18. J. Sainteny. *Face à Ho Chi Minh*, Ed. Ser ghers, Paris, 1970.
19. J. Sainteny. *Face à Ho Chi Minh*, Sđd.
20. Hoàng Phương. *Cộng sản và Tôn giáo tại Việt Nam*. Sài Gòn, 1966, tr. 160 và 166.
21. Hoàng Phương. Sđd, tr. 166.
22. Chỉ thị của BCHTWĐLĐVN số 48 - chính trị ngày 17/11/1956, lưu trữ Quốc gia III; Số kí hiệu II 3/3/549.
23. Lưu trữ Quốc gia III, Kí hiệu II/3/3/549.
24. Bài nói của đồng chí Hoàng Quốc Việt trong Hội nghị phổ biến sắc lệnh Bảo đảm tự do tín ngưỡng ngày 21/6/1955. Lưu trữ Viện Lịch sử Đảng.
25. A. Boyer. *Le droit des religious en France*. Ed. PUF, Paris 1993, p. 9.
26. Xem bài: *Nhân bài "Cộng sản và Công giáo"* của đồng chí Trường Chinh tức T.C đăng trên tờ *Sự thật*, số 110, ngày 28/4/1949. Đây là bài trả lời của tác giả với bạn đọc lúc đó, nhân bài *Cộng sản và Công giáo* của chính đồng chí đăng trên tờ *Sự thật*, số 105 trước đó.
27. *Thông tư về việc thi hành chính sách tôn giáo*. Sđd, tr. 10.
28. Đỗ Quang Hưng. *Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng*. Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo* số ra mắt, 1 - 1999, tr. 28.
29. Hoàng Quốc Việt. *Tư liệu đã dẫn*, tr. 11.
30. *Thông tư về việc thi hành chính sách tôn giáo*. Sđd, tr. 18 - 19.